

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 280/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; CCCD số: 040187012953. Nơi cư trú: Số A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Trọng D, sinh năm 1978; CMND số: 186419866. Nơi đăng ký cư trú: Nhà trọ Nguyễn Tấn P, số F, đường Đ, tổ G, Khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số C, đường E, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2026 và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trọng D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, quyền số 06 ngày 02/3/2015.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, trong quá trình chung sống cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông D thường xuyên uống rượu, dùng

những lời lẽ xúc phạm và đánh đập bà H. Mặc dù bà H đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Từ cuối tháng 8 năm 2025 bà H đã dẫn 02 con chung đi nơi khác sinh sống, hai vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Trọng D.

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trọng D có 02 con chung tên Phạm Trọng Q, sinh ngày 02/6/2018 và Phạm Huyền M, sinh ngày 02/9/2023. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ kết quả xác minh Công an phường B thể hiện ông Phạm Trọng D có đăng ký cư trú tại Nhà trọ Nguyễn Tấn P, số F, đường Đ, tổ G, Khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế sinh sống tại địa chỉ số C, đường E, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Trọng D tại địa chỉ nơi ông thực tế sinh sống nhưng ông vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng, không tham gia phiên tòa lần thứ hai và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không tham gia phiên tòa là không chấp hành đúng pháp luật. Đại diện Viện Kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

Về nội dung: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Phạm Trọng D, ông D hiện đang cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Trọng D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Ông D cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trọng D chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, quyển số 06 ngày 02/3/2015 nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà H có lời khai trình bày cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông D thường xuyên uống rượu bia rồi dùng những lời lẽ xúc phạm và đánh đập bà H làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của bà. Từ tháng 8 năm 2025 bà H cùng hai con đã chuyển đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà H và ông D tại địa phương nơi hai vợ chồng sinh sống thuộc phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà H đã không còn cư trú tại địa chỉ trên nhưng quá trình chung sống ông D và bà H không có thông báo cho địa phương về tình trạng hôn nhân của ông bà.

Quá trình bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai cho thấy ông D không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thực tế, bà H và ông D đã không còn sống chung nhà cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trọng D có 02 con chung tên Phạm Trọng Q, sinh ngày 02/6/2018 và Phạm Huyền M, sinh ngày 02/9/2023. Xét thấy, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc hay có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng. Hiện nay, cháu Q và cháu M đang sinh sống trực tiếp, ổn định cùng bà H. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 25/5/2026, cháu Phạm Trọng Q có mong muốn được sống cùng mẹ và em gái. Do đó, việc giao 02 con chung là cháu Phạm Trọng Q và Phạm Huyền M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ tốt hơn cho các con về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung của bà H là có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Do các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Phạm Trọng D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phạm Trọng D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, quyển số 06 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Nghệ An) cấp ngày 02/3/2015).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trọng D có 02 con chung tên Phạm Trọng Q, sinh ngày 02/6/2018 và Phạm Huyền M, sinh ngày 02/9/2023. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0019170 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Duy Nhân